

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1511/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2018

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1057/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 265/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bảo L, sinh năm 1989

Hộ khẩu thường trú: Số 81 đường số 369, tổ 8, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà L có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 81 đường số 369, tổ 8, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 02 đường số 373 ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 14/8/2017, lời trình bày tại biên bản không tiến hành phiên họp công bố chứng cứ và hòa giải ngày 14/12/2017 và biên

bản không tiến hành phiên họp công bố chứng cứ và hòa giải ngày 22/01/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo L trình bày sự việc như sau:

Bà (Nguyễn Thị Bảo L) và ông Dương Văn Đ chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 116/CNKH, quyển số 01/2008, đăng ký ngày 17/7/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống tại nhà của bà tại ấp B, xã T, huyện C. Trong quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng bà rất hạnh phúc nhưng càng về sau phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống quá lớn, cuộc sống hai bên không hợp nhau nữa. Vợ chồng bà cố gắng hàn gắn nhiều lần không thành. Vợ chồng bà sống ly thân đến nay đã 04 năm, mạnh ai nấy sống không quan tâm đến ai. Vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 người con chung, tên là: Dương Nguyễn Hoài P, sinh ngày 14/8/2009 và Dương Nguyễn Hoài B, sinh ngày 24/6/2011. Hai con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Dương Văn Đ không có mặt nên không có lời khai của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mối quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, không có mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo L nhưng bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L.

Tại phiên tòa, không có mặt bị đơn ông Dương Văn Đ mà không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo L về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Dương Văn Đ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bảo L và ông Dương Văn Đ chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 116/CNKH, quyển số 01/2008, đăng ký ngày 17/7/2008, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo lời bà L trình bày thì thời gian đầu vợ chồng bà sống hạnh phúc nhưng càng về sau phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống quá lớn, cuộc sống hai bên không hợp nhau nữa. Vợ chồng bà cố gắng hàn gắn nhiều lần không thành. Vợ chồng bà sống ly thân đến nay đã 04 năm. Vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà xin được ly hôn với ông Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ không có mặt mà không có lý do, điều này thể hiện việc ông Đ không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà L.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà L và ông Đ không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà L là có cơ sở.

- Về con chung:

Vợ chồng bà L và ông Đ có 02 người con chung, tên là: Dương Nguyễn Hoài P, sinh ngày 14/8/2009 và Dương Nguyễn Hoài B, sinh ngày 24/6/2011. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, do 02 người con chung của bà L và ông Đ đang sống chung với bà L và 02 trẻ cũng có nguyện vọng được sống với bà L nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 81, khoản 1 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao 02 trẻ P và B cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- Tài sản chung:

Bà L khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà L khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà L phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 81, khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bảo L.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bảo L được quyền ly hôn với ông Dương Văn Đ.

- Về con chung:

Vợ chồng bà L và ông Đ có 02 người con chung, tên là: Dương Nguyễn Hoài P, sinh ngày 14/8/2009 và Dương Nguyễn Hoài B, sinh ngày 24/6/2011.

Bà L được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung.

Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Bà L khai không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà L khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), buộc bà L phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà L đã nộp theo biên lai số 0007333 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (bà Nguyễn Thị Bảo L, ông Dương Văn Đ) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Tân An Hội, H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương